https://trungtamthuoc.com/

Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
Sulpirid.....50 mg
Tá dược vđ.....1 viên
Tiêu chuẩn: TCCS.
Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Cơ sở sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR
Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

M.S.D.N: 2600 ... CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WEALPHAR TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

Rx Thuốc kê đơn

Sulpirid cap DWP 50mg

Sulpirid 50mg

Hộp **3** vỉ x 10 viên nang cứng

WEALPHAR

SĐK (Reg. No)
Số lô SX (Lot. No)
NSX (Mfg. Date)
HD (Exp. Date)

Composition: Each capsule contains:
Sulpiride.....50 mg
Excipients q.s.f.....1 capsule
Specification: In - house.
Keep out of reach of children.
Read the accompanying instructions carefully before use.

Storage: Dry place, not above 30°C, avoid direct sunlight.
Indications, administration, contraindications and other information: See package insert.
Manufacturer:
WEALPHAR PHARMACEUTICAL J.S.C
Lot CN5, Thuy Van Industrial Park, Thuy Van Ward, Viet Tri City, Phu Tho Province.

Rx Prescription drug

Sulpirid cap DWP 50mg

Sulpiride 50mg

Box of **3** blisters x 10 capsules

WEALPHAR



Sulpirid cap DWP 50mg
Sulpirid 50mg
CT CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR
WEALPHAR - GMP - WHO
Số lô SX:
HD:

https://trungtamthuoc.com/

Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
Sulpirid.....50 mg
Tá dược vđ.....1 viên

Tiêu chuẩn: TCCS.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Cơ sở sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR
Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

M.S.D.N: 2600987995-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WEALPHAR
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

Rx Thuốc kê đơn

Sulpirid cap DWP 50mg

Sulpirid 50mg

Hộp **6** vỉ x 10 viên nang cứng

WEALPHAR

Composition: Each capsule contains:
Sulpiride.....50 mg
Excipients q.s.f.....1 capsule

Specification: In - house.

Storage: Dry place, not above 30°C, avoid direct sunlight.

Keep out of reach of children.

Read the accompanying instructions carefully before use.

Indications, administration, contraindications and other information: See package insert.

Manufacturer:
WEALPHAR PHARMACEUTICAL J.S.C
Lot CN5, Thuy Van Industrial Park, Thuy Van Ward, Viet Tri City, Phu Tho Province.

SĐK (Reg. No) :
Số lô SX (Lot. No) :
NSX (Mfg. Date) :
HD (Exp. Date) :

Rx Prescription drug

Sulpirid cap DWP 50mg

Sulpiride 50mg

Box of **6** blisters x 10 capsules

WEALPHAR



https://trungtamthuoc.com/

Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
Sulpirid.....50 mg
Tá dược vđ.....1 viên

Tiêu chuẩn: TCCS.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Cơ sở sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR
Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

M.S.D.N: 2600987995-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WEALPHAR
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

Rx Thuốc kê đơn

Sulpirid cap DWP 50mg

Sulpirid 50mg

Hộp **10** vỉ x 10 viên nang cứng

WEALPHAR

Composition: Each capsule contains:
Sulpiride.....50 mg
Excipients q.s.f.....1 capsule

Specification: In - house.

Storage: Dry place, not above 30°C, avoid direct sunlight.

Keep out of reach of children.

Read the accompanying instructions carefully before use.

Indications, administration, contraindications and other information: See package insert.

Manufacturer:
WEALPHAR PHARMACEUTICAL J.S.C
Lot CN5, Thuy Van Industrial Park, Thuy Van Ward, Viet Tri City, Phu Tho Province.

SĐK (Reg. No) :
Số lô SX (Lot. No) :
NSX (Mfg. Date) :
HD (Exp. Date) :

Rx Prescription drug

Sulpirid cap DWP 50mg

Sulpiride 50mg

Box of **10** blisters x 10 capsules

WEALPHAR



https://trungtamthuoc.com/

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx

1. Tên thuốc: Sulpirid Cap DWP 50mg

2. Các dấu hiệu cần lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc

"Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc"

"Để xa tầm tay trẻ em"

"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"

3. Thành phần công thức thuốc: Mỗi viên chứa:

Thành phần dược chất: Sulpirid 50mg.

Thành phần tá dược: Cellulose vi tinh thể 101, Lactose monohydrat, Tinh bột ngô, Natri starch glycolat, Povidon K30, Colloidal silicon dioxide, Magnesi stearat, Vỏ nang cứng.

4. Dạng bào chế: Viên nang cứng.

Mô tả: Viên nang cứng số 2, màu xanh lá – trắng, nang lành lặn, bột thuốc bên trong màu trắng hoặc gần như trắng.

5. Chỉ định

Tâm thần phân liệt cấp và mạn tính (do thầy thuốc chuyên khoa chỉ định).

Trạng thái loạn thần cấp tính.

Điều trị triệu chứng ngắn ngày chứng lo âu ở người lớn trong trường hợp thất bại với các điều trị thông thường.

Rối loạn hành vi nặng ở trẻ em (vật vã, tự cắt một bộ phận cơ thể, động tác định hình), đặc biệt trong hội chứng tự kỷ.

Điều trị ngắn các trạng thái kích động, hung hăng gây gổ trong trạng thái loạn thần cấp và mãn tính.

6. Cách dùng, liều dùng

Cách dùng: Thuốc dùng đường uống.

Liều dùng:

Người lớn:

- Tâm thần phân liệt:

Triệu chứng âm tính của tâm thần phân liệt: Khởi đầu uống 200 - 400 mg/lần, ngày 2 lần, tối đa 800 mg/ngày, nếu cần.

Triệu chứng dương tính của tâm thần phân liệt: 400 mg/lần, ngày 2 lần. Tăng dần liều đến tối đa 1 200 mg/lần, ngày uống 2 lần.

Triệu chứng âm và dương tính kết hợp: 400 - 600 mg/lần, ngày uống 2 lần.

Trẻ em:

Trẻ em trên 14 tuổi: Uống 3 - 5 mg/kg/ngày.

Trẻ em dưới 14 tuổi: Không có chỉ định.

Người cao tuổi:

Liều dùng cho người cao tuổi cũng giống như với người lớn, nhưng liều khởi đầu bao giờ cũng thấp rồi tăng dần. Khởi đầu 50 - 100 mg/lần, ngày 2 lần, sau tăng dần đến liều hiệu quả.

https://trungtamthuoc.com/

Người suy thận:

Phải giảm liều dùng hoặc tăng khoảng cách giữa các lần dùng thuốc tùy thuộc độ Clcr.

Clcr: 30 - 60 ml/phút: Dùng liều bằng 2/3 liều người bình thường.

Clcr: 10 - 30 ml/phút: Dùng liều bằng 1/2 liều bình thường.

Clcr < 10 ml/phút: Dùng liều bằng 1/3 liều bình thường.

Hoặc có thể tăng khoảng cách giữa các liều bằng 1,5; 2 và 3 lần so với người bình thường.

Tuy nhiên, trường hợp suy thận vừa và nặng không nên dùng sulpirid, nếu có thể.

Điều trị triệu chứng ngắn chứng lo âu ở người lớn đã thất bại với các điều trị thông thường:

Liều hàng ngày: Uống 50 - 150 mg trong tối đa 4 tuần.

Trẻ em (nang dùng cho trẻ trên 6 tuổi): Rối loạn hành vi nặng: liều hàng ngày: Uống 5 - 10 mg/kg.

7. Chống chỉ định

Quá mẫn với sulpirid hoặc với bất cứ thành phần nào của thuốc.

U tủy thượng thận.

Rối loạn chuyển hóa porphyrin cấp.

Trạng thái thần kinh trung ương bị ức chế, hôn mê, ngộ độc rượu và thuốc ức chế thần kinh.

Các u phụ thuộc prolactin (như adenom tuyến yên prolactin và ung thư vú).

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Phải thận trọng khi dùng sulpirid vì thuốc có thể gây ra hội chứng ác tính do thuốc an thần kinh. Trong khi điều trị, nếu thấy sốt cao không rõ nguyên nhân, phải ngừng thuốc ngay vì sốt cao có thể là một biểu hiện của hội chứng ác tính do thuốc an thần kinh.

Sulpirid kéo dài khoảng QT, phụ thuộc theo liều dùng. Tác dụng này làm tăng nguy cơ loạn nhịp tim nặng đặc biệt là xoắn đỉnh, nhất là khi có nhịp tim chậm < 55 nhịp/phút, giảm kali huyết, khoảng QT dài bẩm sinh hay mắc phải (do phối hợp với một thuốc khác làm tăng khoảng QT). Trước khi dùng sulpirid, nếu có thể, phải loại trừ các yếu tố kể trên, nên làm thêm điện tâm đồ.

Phải thận trọng khi dùng sulpirid cho người cao tuổi, đặc biệt khi bị sa sút trí tuệ, khi có các yếu tố nguy cơ tai biến mạch máu não vì dễ bị hạ huyết áp thế đứng, dễ ngã, buồn ngủ và tác dụng ngoại tháp. Nguy cơ tử vong thường tăng lên khi dùng các thuốc chống loạn thần ở lứa tuổi này.

Phải theo dõi glucose huyết cho người đái tháo đường hoặc có nguy cơ đái tháo đường khi bắt đầu điều trị sulpirid.

Trong các trường hợp suy thận, cần giảm liều sulpirid và tăng cường theo dõi. Nếu suy thận nặng, nên cho điều trị từng đợt gián đoạn.

Cần tăng cường theo dõi các đối tượng sau:

Người bị động kinh vì có khả năng ngưỡng co giật bị hạ thấp.

Người uống rượu hoặc đang dùng các loại thuốc chứa rượu vì làm tăng buồn ngủ.

Người bị hưng cảm nhẹ, sulpirid liều thấp có thể làm các triệu chứng nặng thêm.

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Thời kỳ mang thai

https://trungtamthuoc.com/

Duy trì cân bằng về tâm lý cho bà mẹ suốt thời kỳ mang thai là điều mong muốn. Nếu cần phải dùng thuốc để duy trì cân bằng đó, phải cho thuốc hoặc tiếp tục dùng thuốc với liều hiệu quả suốt thời kỳ mang thai. Theo dõi các bà mẹ mang thai dùng thuốc chưa thấy tác động gây dị dạng đặc biệt nào do sulpirid. Các thuốc an thần kinh tiêm dùng trong trường hợp cấp cứu có thể gây hạ huyết áp cho mẹ. Mặc dù chưa có trường hợp nào được mô tả ở trẻ sơ sinh, nhưng về lý thuyết nếu tiếp tục dùng vào giai đoạn cuối mang thai, nhất là dùng liều cao sulpirid có thể gây: Tim nhanh, tăng kích thích, trướng bụng, chậm ra phân xu, tăng trương lực cơ, run, ngủ. Do đó, sulpirid có thể dùng bất cứ giai đoạn nào trong thời kỳ mang thai. Phải theo dõi trẻ sơ sinh để phát hiện các triệu chứng kể trên.

Thời kỳ cho con bú

Sulpirid phân bố vào sữa mẹ với lượng tương đối lớn và có thể gây ADR đối với trẻ bú mẹ. Vì vậy phụ nữ đang cho con bú không nên dùng hoặc ngừng cho con bú nếu dùng thuốc.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc

Cần chú ý đến nguy cơ buồn ngủ liên quan đến việc sử dụng thuốc này.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc

*** Tương tác của thuốc**

Thuốc chủ vận dopamin không kháng Parkinson (Carbergolin, quinagolid): chống chỉ định phối hợp với sulpirid vì đối kháng lẫn nhau.

Thuốc chủ vận dopamin kháng Parkinson: Amantadin, apomorphin, bromocriptin, entacapon, lisurid, pergolid, piribedil, pramipexol, ropinirol, selegilin: Đối kháng lẫn nhau giữa dopamin và thuốc an thần kinh. Thuốc dopamin có thể gây hoặc làm nặng thêm các rối loạn tâm thần. Trong trường hợp cần thiết phải điều trị thuốc an thần kinh cho người bị bệnh Parkinson đang điều trị thuốc chủ vận dopamin, phải giảm dần liều thuốc dopamin cho tới khi ngừng hẳn (nếu ngừng thuốc này đột ngột, có nguy cơ bị hội chứng ác tính do thuốc an thần kinh).

Thuốc an thần: Các dẫn chất của morphin (giảm đau, chống ho, thay thế), thuốc an thần kinh, barbiturat, benzodiazepin, thuốc giải lo âu ngoài benzodiazepin như meprobamat, thuốc gây ngủ, thuốc chống trầm cảm an thần (amitriptylin, doxepin, mianserin, mirtazapin, trimipramin), kháng histamin H1 gây ngủ, thuốc huyết áp trung tâm, baclofen, thalidomid khi phối hợp làm tăng tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương và làm giảm tính tỉnh táo, hạ huyết áp.

Thuốc có khả năng gây xoắn đỉnh chủ yếu các thuốc chống loạn nhịp loại 1a (quinin, hydroquinidin, disopyramid) và III (amiodaron, sotalol, dofetilid, ibutilid) và các thuốc khác như bepridil, cisaprid, diphenamil, erythromycin tiêm tĩnh mạch, mizolastin, vincamin tiêm tĩnh mạch, moxifloxacin, spiramycin tiêm tĩnh mạch: Có nguy cơ làm tăng rối loạn nhịp tim, đặc biệt xoắn đỉnh.

Thuốc an thần kinh khác có thể gây xoắn đỉnh: Amisulprid, clorpromazin, cyamemazin, droperidol, haloperidol, levomepromazin, pimozid, pipotiazin, sertindol, tiaprid, veraliprid: Tăng nguy cơ rối loạn nhịp thất, đặc biệt xoắn đỉnh.

https://trungtamthuoc.com/

Sucralfat hoặc các thuốc kháng acid có chứa nhôm hoặc magnesi hydroxyd làm giảm hấp thu sulpirid. Vì vậy, nên dùng sulpirid sau khi uống các thuốc kháng acid khoảng 2 giờ để tránh tương tác.

Lithi: Làm tăng khả năng gây rối loạn ngoại tháp của sulpirid có thể do lithi làm tăng khả năng gắn sulpirid vào thụ thể dopaminergic D_2 ở não.

Levodopa: Đối kháng cạnh tranh với sulpirid và các thuốc an thần kinh, vì vậy chống chỉ định phối hợp sulpirid với levodopa. Có thể dùng liều thấp nhất có hiệu quả hai thuốc đó cho người bị bệnh Parkinson.

Rượu: Làm tăng tác dụng gây ngủ của thuốc, vì vậy tránh uống rượu và các thức uống có cồn trong khi dùng sulpirid. Mất tỉnh táo khi lái xe, vận hành máy móc.

Thuốc chẹn beta trong suy tim (bisoprolol, carvedilol, metoprolol, nebivolol): Tăng nguy cơ rối loạn nhịp thất, đặc biệt xoắn đỉnh. Cần theo dõi lâm sàng, điện tâm đồ.

Thuốc làm giảm kali huyết: Thuốc lợi tiểu giảm kali huyết, thuốc nhuận tràng kích thích, glucocorticoid, tetracosactid, amphotericin tiêm tĩnh mạch: Tăng nguy cơ rối loạn nhịp thất, đặc biệt xoắn đỉnh. Cần điều trị giảm kali huyết trước khi cho dùng sulpirid và theo dõi lâm sàng, điện tâm đồ và điện giải đồ.

*** Tương kỵ của thuốc**: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc (ADR)

Sulpirid dung nạp tốt. Khi dùng liều điều trị, ADR thường nhẹ hơn các thuốc chống loạn thần khác.

Thường gặp, ADR > 1/100

Thần kinh: Mất ngủ hoặc buồn ngủ.

Nội tiết: Tăng prolactin máu, tăng tiết sữa, rối loạn kinh nguyệt hoặc vô kinh.

Ít gặp, 1/1 000 < ADR < 1/100

Thần kinh: Kích thích quá mức, hội chứng ngoại tháp (ngồi không yên, vẹo cổ, cơn quay mắt), hội chứng Parkinson.

Tim mạch: Khoảng QT kéo dài (gây loạn nhịp, xoắn đỉnh).

Hiếm gặp, ADR < 1/1 000

Nội tiết: Chứng vú to ở đàn ông.

Thần kinh: Loạn vận động muộn, hội chứng sốt cao ác tính do thuốc an thần kinh.

Huyết áp: Hạ huyết áp thế đứng, chậm nhịp tim hoặc loạn nhịp.

Khác: Hạ thân nhiệt, nhạy cảm với ánh sáng, vàng da do ứ mật.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

Các ADR thường nhẹ và ít xảy ra. Nếu có hội chứng ngoại tháp có thể giảm liều hoặc dùng thuốc chống Parkinson kháng cholinergic. Nếu có biểu hiện của hội chứng sốt cao ác tính, phải ngừng ngay thuốc. Đề phòng bị xoắn đỉnh cần tránh phối hợp với các thuốc làm giảm kali, hoặc kéo dài khoảng QT.

13. Quá liều và cách xử trí

https://trungtamthuoc.com/

Kinh nghiệm quá liều sulpirid còn ít. Khi quá liều có thể có loạn động với loạn trương lực cơ ở lưỡi và cứng hàm. Một số người bệnh có hội chứng giống Parkinson nặng hơn, hội chứng an thần kinh. Sulpirid thải trừ một phần qua thẩm phân máu. Không có thuốc giải độc đặc hiệu. Điều trị triệu chứng. Hồi sức hô hấp tim mạch, theo dõi liên tục cho tới khi hồi phục (nguy cơ QT kéo dài và loạn nhịp thất). Nếu xuất hiện một hội chứng ngoại tháp nặng, có thể cho một thuốc kháng cholinergic.

14. Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: **Thuốc chống loạn thần**

Mã ATC: N05AL01

Sulpirid thuộc nhóm benzamid, có tác dụng chống rối loạn tâm thần và chống trầm cảm thông qua phong bế chọn lọc các thụ thể dopamin D_2 ở não. Có thể coi sulpirid như một thuốc trung gian giữa các thuốc an thần kinh (neuroleptic) và thuốc chống trầm cảm, vì sulpirid có cả hai tác dụng đó. Trái với đa số các thuốc an thần kinh khác đã phong bế cả hai loại thụ thể dopamin D_1 và D_2, sulpirid có tác dụng chọn lọc hơn và chủ yếu là một chất đối kháng dopamin D_2. Sulpirid tỏ ra không có tác dụng đến các thụ thể norepinephrin, acetylcholin, serotonin, histamin, hoặc acid gamma aminobutyric (GABA). Tác dụng phụ ngoại tháp có tỷ lệ tương đối thấp và có thể một số tác dụng phụ khác của sulpirid được cho là do tính đặc hiệu của tác dụng phong bế thụ thể dopamin D_2 của sulpirid. Tính chất chọn lọc này đã dẫn đến nghiên cứu thuốc này để điều trị người bệnh bị chứng loạn động muộn. Có một số chứng cứ cho thấy sulpirid liều thấp (50 tới 150 mg/ngày) có tác dụng chống trầm cảm, còn liều cao hơn (800 mg/ngày tới 1000 mg/ngày) có tác dụng đối với các triệu chứng dương tính của bệnh tâm thần phân liệt. Tác dụng chống trầm cảm của sulpirid liều thấp được cho là do chủ yếu phong bế các thụ thể dopamin (autoreceptors), với hoạt hóa dẫn truyền của dopamin. Sulpirid cũng kích thích tiết prolactin, thuốc đã được nghiên cứu trong điều trị khi thiếu sữa mẹ và để cải thiện thuốc ngừa thai khi dùng progestin. Do sulpirid đã được chứng tỏ cải thiện lưu lượng máu và tiết niêm dịch ở niêm mạc dạ dày tá tràng nên thuốc cũng đã được nghiên cứu điều trị loét hành tá tràng. Thuốc cũng có tác dụng chống nôn và thuốc cũng đã từng được dùng điều trị chóng mặt, chứng đau nửa đầu.

Cho tới nay, các dữ liệu chưa đủ để đánh giá vị trí của sulpirid trong điều trị các bệnh thần kinh khác, trầm cảm, bệnh tâm căn, thiếu sữa mẹ hoặc bệnh loét dạ dày tá tràng. Tất cả các nghiên cứu về sulpirid đều trên một số lượng nhỏ người bệnh chưa đủ để đánh giá tính hiệu quả và tính an toàn của thuốc. Tác dụng phong tỏa chọn lọc thụ thể dopamin D_2 của sulpirid chưa tỏ ra làm giảm nhiều tác dụng phụ ngoại tháp và các tác dụng phụ khác. Loạn động muộn cũng đã được thông báo. Cho tới nay, các nghiên cứu về điều trị bệnh tâm thần phân liệt chưa cho thấy dùng sulpirid có lợi ích lâm sàng hơn các thuốc an thần kinh khác.

15. Đặc tính dược động học

Hấp thu: Sulpirid được hấp thu chậm từ đường tiêu hóa. Sau khi uống 1 viên nén 200 mg, hoặc 1 viên nang 50 mg, nồng độ đỉnh của sulpirid trong huyết tương đạt được theo thứ tự 0,73 mg/lít và 0,25 mg/lít trong vòng từ 3 - 6 giờ. Sinh khả dụng dạng uống từ 25% đến 35%, thay đổi nhiều giữa các người bệnh. Sau khi uống các liều từ 50 mg đến 300 mg, dược động học của sulpirid biến đổi theo tuyến tính.

https://trungtamthuoc.com/

Phân bố: Sulpirid phân bố nhanh vào các mô nhưng thấm ít qua hàng rào máu não. Thể tích phân bố: 0,94 lít/kg. Tỷ lệ liên kết với protein khoảng 40%. Sulpirid phân bố vào trong sữa mẹ và qua nhau thai.

Chuyển hóa: Sulpirid chuyển hóa ít ở người. 92% liều sulpirid tiêm bắp thấy trong nước tiểu dưới dạng không chuyển hóa.

Thải trừ: Thải trừ sulpirid chủ yếu qua lọc cầu thận vào nước tiểu. Thanh thải toàn bộ: 126 ml/phút. Thời gian bán thải trong huyết tương của thuốc khoảng 8 - 9 giờ.

16. Quy cách đóng gói

Vỉ 10 viên. Hộp 3 vỉ. Hộp 6 vỉ. Hộp 10 vỉ. Kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng thuốc

- *Điều kiện bảo quản:* Nơi khô, nhiệt độ không quá 30^0C, tránh ánh sáng.
- *Hạn dùng:* 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- *Tiêu chuẩn chất lượng thuốc:* TCCS.

18. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở sản xuất : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WEALPHAR

Địa chỉ: Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.